

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/ HNGĐ-ST  
Ngày 02 - 4 - 2021  
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Bằng.

*-Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Hưng.  
2. Ông Nguyễn Văn Trước.

*-Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

*-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 533/ 2020/ TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Tố A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện H, tỉnh L.

*Bị đơn:* Nguyễn Thành P, sinh năm 1984 ( Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã Q, huyện H, tỉnh L

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Đặng Thị Tố A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết chị và anh P tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long vào ngày

11/10/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, do chị phát hiện anh P không chung thủy, chị có hỏi thì anh P thừa nhận có quen người phụ nữ bên ngoài, anh P lái xe cuốc cho công ty, thường xuyên đi theo công trình 02 -03 tháng mới về nhà 01 lần, từ khi mâu thuẫn lâu lâu anh P mới về nhà, nhưng về là đi liền không ở cùng vợ con, chị có hỏi anh P nói đang sống cùng người khác, chị đã nhiều lần khuyên anh P nhưng anh không thay đổi. Chị và anh P ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau. Tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày: 08/6/2009 và Nguyễn Ngọc Mai T, sinh ngày 25/3/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*-Bị đơn anh Nguyễn Thành P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có bản khai ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*-Nguyễn vọng của cháu Nguyễn Thị Thảo T là được chung sống với mẹ.*

*-Tại phiên tòa chị A chỉ yêu cầu ly hôn với anh P và yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Thành P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị A và P tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết số 79, quyển số 01 vào ngày 11/10/2008. Do đó hôn nhân của chị A và anh P là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị A trình bày mâu thuẫn của vợ chồng chị phát sinh từ giữa năm 2020, nguyên nhân là do anh P đi làm xa nhà và có quen với người phụ nữ bên ngoài hiện tại chung sống như vợ chồng cùng với người phụ nữ khác, chị đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không được, anh chị đã ly thân không còn chung sống với nhau, tình cảm của chị đối với anh P không còn. Đối với anh P mặc dù đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị A,

nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh P vắng mặt mà không có một ý kiến nào về nguyện vọng được đoàn tụ cùng chị A, xem như anh P cũng đồng ý với yêu cầu của chị A. Do đó chị A yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Cháu Tr và cháu T hiện do chị A nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của cháu Tr được chung sống cùng với chị A, anh P không có ý kiến. Do đó giao cháu Tr và cháu T cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị A không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Buộc chị A phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Tố A được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thảo T, sinh ngày: 08/6/2009 và Nguyễn Ngọc Mai T, sinh ngày 25/3/2015 cho chị Đặng Thị Tố A tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp 300.000 đồng ( Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tiền tạm

ứng theo biên lai số 0006258 ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

6. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã H-LH-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án. /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Công Bằng**